

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Hồng Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Vinh, ông Nguyễn Văn Thanh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Cường – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2023/DS-ST ngày 09 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐST-DS ngày 09/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2023/QĐST-DS ngày 06/6/2023 giữa:

Nguyên đơn: Thân Thị Th, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Số 332, đường H, TT V, huyện L, tỉnh Bắc Giang

Bị đơn: Chị Chu Thị Thanh Nh, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Anh Dương Văn Ch, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, TT V, huyện L, tỉnh Bắc Giang

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

Ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1964

Địa chỉ: Số 332, đường H, TT V, huyện L, tỉnh Bắc Giang ủy quyền cho bà Thân Thị Th (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Thân Thị Th trình bày: Bà và vợ chồng chị Chu Thị Thanh Nh và anh Dương Văn Ch không có họ hàng, có mối quan hệ quen biết nhau từ lâu và đã cho nhau vay nợ nhiều lần.

Ngày 15/11/2022, khi đó anh Ch đang làm ăn ở bên Lào. Anh Ch điện thoại cho bà và hỏi vay bà số tiền là 480.000.000 đồng (Bốn trăm, tám mươi triệu đồng). Bà đồng ý cho anh Ch và chị Nh vay số tiền nói trên. Vợ anh Ch là chị Nh đã đến nhà bà để lấy số tiền là 480.000.000 đồng và viết giấy biên nhận vay tiền. Trong giấy biên nhận vay tiền, chị Nh có ký chữ “Chu Thị Thanh Nh” và ký thay chồng chữ “Dương Văn Ch” ở mục ký tên người vay.

Theo giấy biên nhận vay tiền ngày 15/11/2022, hai bên có thỏa thuận về thời hạn thanh toán là trong vòng 15 ngày tính từ ngày vay, chị Nh và anh Ch phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ trên cho bà.

Trong giấy biên nhận vay tiền không ghi về lãi suất, nhưng các bên có thỏa thuận ngoài với mức lãi suất là 1%/01 tháng. Khi vay tiền, vợ chồng anh Ch, chị Nh không cầm cố hay thế chấp tài sản gì cho bà. Khi vay tiền bà, anh Ch có nói với bà vay tiền về để làm ăn kinh doanh vận tải phục vụ phát triển kinh tế gia đình.

Đến thời hạn thanh toán, bà yêu cầu anh Ch, chị Nh thanh toán cho bà số tiền nợ nói trên nhiều lần nhưng anh Ch, chị Nh liên tục xin khất nợ và trốn tránh không gặp mặt bà.

Nay, bà khởi kiện vợ chồng anh Ch, chị Nh ra Tòa án và yêu cầu vợ chồng anh Ch chị Nh phải trả bà số tiền nợ gốc là 480.000.000 đồng (Bốn trăm, tám mươi triệu đồng) và lãi suất tính từ ngày 15/11/2022 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án.

Theo bản tự khai và các lời khai tiếp theo, bị đơn chị Chu Thị Thanh Nh trình bày: Ngày 20/4/2022, chồng chị có gọi điện thoại cho bà Thân Thị Th hỏi vay số tiền 500.000.000 đồng. Bà Th đồng ý cho vợ chồng chị vay số tiền nói trên nên chị đã lên nhà bà Th để lấy tiền. Tại nhà bà Th, bà Th đưa cho chị số tiền là 230.000.000 đồng tiền mặt và chuyển khoản cho anh Dương Văn Ch (chồng chị) số tiền là 270.000.000 đồng. Khi vay, chị có lập giấy vay tiền và ký vào giấy vay tiền với số tiền là 230.000.000 đồng (giấy này chỉ có một bản duy nhất do bà Th cất giữ). Theo giấy vay tiền, hai bên không có thỏa thuận về lãi và thời hạn thanh toán. Tuy nhiên, hai bên có thỏa thuận ngoài với bà Th là vay trong thời hạn 03 ngày, tính từ ngày vay 20/4/2022 và số lãi phải chịu là 7.000.000 đồng/500.000.000 đồng/03 ngày.

Đến ngày 22/4/2022, chồng chị đã chuyển trả bà Thành số tiền 270.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền 230.000.000 đồng và số tiền lãi là 7.000.000 đồng.

Đến giữa tháng 5/2022, chị đã trực tiếp lên nhà bà Th để trả bà Th số tiền lãi là 8.000.000 đồng. Tiếp đó, đến khoảng cuối tháng 6/2022, chị lại trực tiếp lên nhà bà Th trả cho bà Th số tiền là 30.000.000 đồng. Sau đó, chồng chị chuyển khoản tiếp trả bà Th số tiền là 3.000.000 đồng (chị không nhớ rõ thời gian chỉ biết là sau ngày chị trả 30.000.000 đồng cho bà Th).

Tổng số tiền vợ chồng chị đã trả cho bà Th là 270.000.000 đồng tiền nợ gốc và 41.000.000 đồng tiền trả lãi. Nay vợ chồng chị chỉ còn nợ lại bà Th số tiền là 230.000.000 đồng.

Khi vay, vợ chồng chị không thể chấp hay tín chấp giấy tờ gì cho bà Thân Thị Th. Giấy biên nhận vay tiền ngày 15/11/2022, là do chị viết nội dung và ký vào giấy biên nhận vay tiền ở mục ký tên (phần nội dung là do bà Th đọc cho chị viết).

Tại mục ký tên có chữ ký “Dương Văn Ch” là do chị ký thay chồng chị. Chị ký thay chồng chị là vì khi đó, chồng chị không có nhà, đang lái xe ở bên nước Lào chưa về.

Sở dĩ, có giấy biên nhận vay tiền ngày 15/11/2022 là do hôm đó, bà Th có xuống nhà chị đòi số tiền còn nợ 230.000.000 đồng nhưng vợ chồng chị chưa có để trả nên bà Th yêu cầu chị viết giấy biên nhận vay tiền với số tiền là 480.000.000 đồng (bao gồm nợ gốc là 230.000.000 đồng và 250.000.000 đồng tiền lãi). Theo giấy biên nhận vay tiền này, hai bên có thỏa thuận về thời hạn thanh toán là trong vòng 15 ngày kể từ ngày 15/11/2022. Vợ chồng chị phải trả cho bà Th toàn bộ số tiền 480.000.000 đồng.

Do chỗ chị và bà Th tin tưởng nhau nên chị đã không yêu cầu bà Th trả lại chị giấy vay tiền ngày 20/4/2022.

Ngoài lời trình bày trên đây của chị, chị còn có chứng cứ là bản sao lưu tài khoản ngân hàng về việc trả số tiền 270.000.000 đồng và 3.000.000 đồng đã chuyển trả cho bà Th. Chị sẽ cung cấp cho Tòa án trong thời hạn là 07 ngày kể từ ngày 28/3/2023.

Nay bà Th khởi kiện, yêu cầu vợ chồng chị phải trả số tiền vay 480.000.000 đồng và lãi suất thì chị không đồng ý. Chị chỉ đồng ý trả số tiền còn nợ là 230.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Số tiền lãi vợ chồng chị đã trả cho bà Th, chị không đề nghị tính lại nữa.

Hiện nay, chồng chị làm nghề lái xe và đang chờ hàng đi biên giới Việt Lào. Do chị thông báo, nên chồng chị đã biết việc bà Th khởi kiện vợ chồng chị ở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Bị đơn anh Dương Văn Ch đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải... hợp lệ nhưng anh Ch không có văn bản trình bày ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt tại Tòa án trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Theo quy định, Tòa án đã tiến hành thủ tục hòa giải nhưng anh Ch đều vắng mặt mà không có lý do, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Th trình bày: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà yêu cầu chị Chu Thị Thanh Nh và anh Dương Văn Ch phải trả bà số tiền gốc 480.000.000 đồng và lãi phát sinh tính từ ngày vay đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm với lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm, tính từ ngày vay.

Bị đơn chị Chu Thị Thanh Nh và anh Dương Văn Ch vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật và trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn là chị Chu Thị Thanh Nh và anh Dương Văn Ch chưa thực hiện nghiêm túc từ bỏ quyền trình bày của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thành: Buộc vợ chồng chị Chu Thị Thanh Nh và anh Dương Văn Ch phải thanh toán trả vợ chồng bà Thân Thị Th và ông Nguyễn Đức C số tiền nợ gốc là 480.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 0,83% trên tháng. Tổng số tiền cả gốc và lãi chị Chu Thị Thanh Nh và anh Dương Văn Ch phải trả cho bà Thân Thị Th là 509.313.000 đồng (năm trăm lẻ chín triệu ba trăm mười ba ngàn đồng).

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị giải quyết về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa sau khi tiến hành nghị án, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Đơn khởi kiện của bà Thân Thị Th cùng các tài liệu nộp kèm theo đơn khởi kiện là hợp lệ, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức, nội dung đơn khởi kiện. Khi khởi kiện tại Tòa án, bà Th đã gửi cho chị Chu Thị Thanh Nh và anh Dương Văn Ch bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ vay tài sản (tiền) giữa chị Nh, anh Ch và bà Th là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân. Các bên đã không tự giải quyết được, tranh chấp phát sinh nên nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tại Tòa án. Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang thụ lý và giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật về thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang đã thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự, thủ tục tố tụng, đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm túc, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Trước khi mở phiên tòa, bị đơn anh Dương Văn Ch đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ, song anh Ch không đến Tòa án làm việc, không trình bày ý kiến của mình, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong quá trình giải quyết vụ án. Tại Phiên tòa ngày 06/6/2023 và phiên tòa ngày hôm nay, chị Nh và anh Ch đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa đối với chị Nh và anh Ch theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị Chu Thị Thanh Nh và anh Dương Văn Ch.

[4] Về quyền khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và quan hệ pháp luật tranh chấp thì thấy: Ngày 15/11/2022, bà Th đã cho vợ chồng chị Nh và anh Ch vay số tiền là 480.000.000 đồng. Khi vay, các bên lập giấy biên nhận vay tiền, trực tiếp đưa tiền cho nhau, có thỏa thuận về thời hạn thanh toán là 15 ngày.

Về lãi suất: Hai bên không có thỏa thuận trong giấy biên nhận. Theo nguyên đơn khai, hai bên có thỏa thuận miệng với nhau về mức lãi là 1%/tháng. Sau khi cho vay tiền, bà Th đã nhiều lần đòi tiền thì chị Nh và anh Ch không thanh toán. Ngày 09/02/2023, bà Th nộp đơn khởi kiện, yêu cầu chị Nh và anh Ch phải thanh toán trả số tiền vay gốc và lãi suất phát sinh của hợp đồng vay nói trên. HĐXX thấy đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Nguyên đơn khởi kiện vẫn nằm trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 184, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 429, 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

- Về số tiền gốc: Qua lời khai của nguyên đơn và giấy biên nhận vay tiền ngày 15/11/2022 có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa hôm nay, HĐXX xác định: Chị Chu Thị Thanh Nh và anh Dương Văn Ch có vay tiền của bà Thân Thị Th với số tiền là 480.000.000 đồng (bốn trăm, tám mươi triệu đồng) vào ngày 15/11/2022 .

Khi vay tiền các bên giao nhận tiền trực tiếp với nhau, có lập giấy biên nhận, không thỏa thuận về lãi suất, nhưng có thỏa thuận về thời hạn thanh toán là sau 15 ngày kể từ ngày vay 15/11/2022.

Chị Nh khai: Vợ chồng chị còn nợ bà Th số tiền 230.000.000 đồng nhưng vợ chồng chị chưa có để trả nên bà Th yêu cầu chị viết giấy biên nhận vay tiền với số tiền là 480.000.000 đồng (bao gồm nợ gốc là 230.000.000 đồng và 250.000.000 đồng tiền lãi). Tòa án đã yêu cầu chị Nh cung cấp chứng cứ. Tuy nhiên, ngoài lời khai này, chị Nh đã không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho lời khai của mình, nên không có căn cứ để giải quyết.

Do vậy, HĐXX xét thấy số tiền gốc chị Nh và anh Ch còn nợ bà Th là 480.000.000 đồng.

- Về lãi suất và thời hạn tính lãi suất: Khi vay tiền các bên có lập giấy biên nhận vay tiền và thời hạn thanh toán là sau 15 ngày kể từ ngày vay 15/11/2022. Lãi suất hai bên có thỏa thuận, nhưng không thống nhất về lãi suất.

Vì vậy, HĐXX xác định đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Do bị đơn không trả nợ đúng thời hạn, nay nguyên đơn yêu cầu mức lãi xuất là 10%/năm tính từ ngày 15/11/2022 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

Do vậy, HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Chu Thị Thanh Nh và anh Dương Văn Ch phải trả cho bà Thân Thị Th và ông Nguyễn Đức C số tiền gốc vay còn nợ là 480.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh tính từ ngày 15/11/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 27/6/2023 là phù hợp với quy định tại các Điều 463, Điều 466, Điều 468 và khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Cụ thể tiền lãi được tính là 07 tháng 11 ngày theo mức lãi suất 10%/năm (tức là 0,83%/tháng) là $((480.000.000đ \times 0,83\% \times 07 \text{ tháng}) + (480.000.000 \text{ đồng} \times 0,027\% \times 11 \text{ ngày})) = 27.888.000 \text{ đồng} + 1.425.600 \text{ đồng} = 29.313.600 \text{ đồng}$. Tổng số tiền cả gốc và lãi chị Chu Thị Thanh Nh và anh Dương Văn Ch phải trả cho bà Thân Thị Th là 509.313.600 đồng, tính tròn là 509.313.000 đồng (năm trăm lẻ chín triệu ba trăm mười ba ngàn đồng)

[6] Về án phí: Chị Chu Thị Thanh Nh và anh Dương Văn Ch vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu tiền án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền án phí, lệ phí Tòa án. Cụ thể: Chị Chu Thị Thanh Nh và anh Dương Văn Ch phải chịu là $(20.000.000 \text{ đồng} + 4\% \text{ của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá } 400.000.000 \text{ đồng}) = 20.000.000 \text{ đồng} + 4\% \times 109.313.600 \text{ đồng} = 24.372.544 \text{ đồng}$ (tính tròn là 24.300.000 đồng).

Do yêu cầu khởi kiện của bà Thân Thị Th được chấp nhận, nên bà không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả bà Th số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 186, Điều 227, 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thân Thị Th.

Buộc vợ chồng chị Chu Thị Thanh Nh và anh Dương Văn Ch phải thanh toán trả vợ chồng bà Thân Thị Th và ông Nguyễn Đức C số tiền nợ gốc là 480.000.000 đồng, số tiền nợ lãi là 29.313.000 đồng đồng, tổng cộng là 509.313.000 đồng (năm trăm lẻ chín triệu ba trăm mười ba ngàn đồng)

2. Về án phí:

Chị Chu Thị Thanh Nh và anh Dương Văn Ch phải chịu số tiền 24.300.000 đồng (hai mươi bốn triệu, ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại bà Thân Thị Th số tiền 13.580.000 đồng (mười ba triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng) bà đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0015025 ngày 09 tháng 02 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND, THADS huyện Lạng Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thân Hồng Giang